

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2014/NQ-HĐND8

Thủ Dầu Một, ngày 10 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản
khác gắn liền với đất; lệ phí chứng nhận đăng ký biến động
về đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định Pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định Pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3936/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định về chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất và lệ phí chứng nhận đăng ký biến động về đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; lệ phí chứng nhận đăng ký biến động về đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

1. Đối tượng thu lệ phí:

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được uỷ quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận).

2. Đối tượng miễn thu lệ phí:

- Miễn thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2009) mà có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận.

- Miễn thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn và có đất ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

3. Mức thu lệ phí: *(Phụ lục kèm theo)*

4. Quản lý và sử dụng lệ phí:

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là khoản thu ngân sách Nhà nước. Cơ quan trực tiếp thu lệ phí được trích lại 80% để trang trải chi phí cho công tác cấp Giấy chứng nhận và tổ chức thu lệ phí; số còn lại 20% nộp vào ngân sách nhà nước theo các quy định.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; lệ phí chứng nhận đăng ký biến động về đất đai trên địa bàn tỉnh đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa VIII, kỳ họp lần thứ 13 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014, có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 34/2010/NQ-HĐND7 ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

CHỦ TỊCH
Đã ký: Phạm Văn Cảnh

Phụ lục
BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT VÀ
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG VỀ ĐẤT ĐAI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2014/NQ-HĐND8 ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Mức thu (Đồng VN) | | |
|------------|---|--------------|----------------------|--------------|---------|
| | | | Hộ gia đình, cá nhân | | Tổ chức |
| | | | Phường | Xã, thị trấn | |
| I | Cấp Giấy chứng nhận mới | | | | |
| 1 | Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất). | Giấy | 25.000 | 12.000 | 100.000 |
| 2 | Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. | Giấy | 100.000 | 50.000 | 500.000 |
| II | Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận | | | | |
| 1 | Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất). | Lần/ Giấy | 20.000 | 10.000 | 50.000 |
| 2 | Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. | Lần/ Giấy | 50.000 | 25.000 | |
| III | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | Lần | 28.000 | 14.000 | 30.000 |